

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi khoản 1 Điều 2 Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại;

Căn cứ Thông tư số 11/2008/TT-BXD ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 09/TTr-SXD ngày 19 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai:

1. Tại thành phố Pleiku:

Thành phố Pleiku là đô thị loại I, hệ số cấp đô thị $K1 = 0,00$, giá cho thuê nhà ở được tính như sau:

Đơn vị tính: Đồng/m² sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng cao	Khu vực nội thành (các phường) K2 = 0,00			Khu vực ngoại thành (các xã) K2 = - 0,20		
		Điều kiện hạ tầng (K4)			Điều kiện hạ tầng (K4)		
		Tốt	Trung bình	Kém	Tốt	Trung bình	Kém
		K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20	K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20
Cấp II (19.122 đồng)	Tầng 1, K3 = 0,15	21.990	20.078	18.166	18.166	16.254	14.342
	Tầng 2, K3 = 0,05	20.078	18.166	16.254	16.254	14.342	12.429
	Tầng 3, K3 = 0,00	19.122	17.210	15.298	15.298	13.385	11.473
Cấp III (18.515 đồng)	Tầng 1, K3 = 0,15	21.292	19.441	17.589	17.589	15.738	13.886
	Tầng 2, K3 = 0,05	19.441	17.589	15.738	15.738	13.886	12.035
	Tầng 3, K3 = 0,00	18.515	16.664	14.812	14.812	12.961	11.109
Cấp IV (12.444 đồng)	K3 = 0,15	14.311	13.066	11.822	11.822	10.577	9.333
Nhà không đáp ứng 50% cấp IV (6.223 đồng)	K3 = 0,15	7.156	6.534	5.912	5.912	5.290	4.667

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2020.
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND thành phố Pleiku, thị xã Ayun Pa, thị xã An Khê; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC, CNXD, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông